

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/DS-ST

Ngày 01-9-2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Phương và ông Ngô Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Hằng - Thư ký TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 74/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP Việt Nam T**; địa chỉ: Tầng 1-7, tòa nhà T, số 72 phố B, phường C, quận H, TP. Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam T là ông **Lê Hiền T** - Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng An ninh và Phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, Trung tâm thu hồi nợ - Khôi tín dụng tiêu dùng Ngân hàng TMCP Việt Nam T - theo văn bản ủy quyền số 06/2017/UQ-CT ngày 08/02/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ông Lê Hiền T ủy quyền lại cho ông **Huỳnh Phan Q** - Chức vụ: Nhân viên theo văn bản ủy quyền số 387/2017/UQ-GĐK-TDĐT ngày 18/7/2017. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Lê Đ**, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 35, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 19/5/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Phan Q trình bày:*

Vào ngày 22/7/2014, ông Lê Đ có ký hợp đồng tín dụng số 20140801-142003-0004 với Ngân hàng TMCP Việt Nam T vay số tiền là 31.500.000 đồng với lãi suất 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng ông Lê Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền là 48.316.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng. 23 tháng đầu mỗi tháng số tiền 2.014.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.994.000 đồng. Thanh toán vào ngày 05 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 05/9/2014. Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng được 12 lần với tổng số tiền đã trả là 25.646.000 đồng. Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở ông Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ trên nhưng ông Đ không có thiện chí trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Đ phải trả cho Ngân hàng dứt điểm một lần số tiền nợ tới hạn: 22.670.000 đồng (trong đó nợ gốc 18.405.912 đồng, nợ lãi trong hạn đến ngày 31/8/2016 là 4.264.088 đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền gốc 2.500.000 đồng và khoản tiền lãi 4.264.088 đồng. Như vậy, số tiền ông Lê Đ còn phải trả cho Ngân hàng là: 15.905.912 đồng.

** Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Đ vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 19/6/2017, ông Lê Đ trình bày:*

Ngày 22/7/2014, tôi có vay của Ngân hàng Việt Nam T số tiền 31.500.000 đồng với lãi suất 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân, tôi đã trả được 24.646.000 đồng, số tiền còn lại tôi chưa có khả năng trả cho Ngân hàng được vì kinh tế gặp nhiều khó khăn. Nay Ngân hàng khởi kiện, tôi xin được trả dần số tiền nợ còn lại mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

(1). Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T và ông Lê Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Lê Đ (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

(2). Về nội dung vụ án:

Tại “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20140801-142003-0004 ngày 22/7/2014, có nội dung:

Ngân hàng TMCP Việt Nam T cho ông Lê Đ vay số tiền 31.500.000 đồng với lãi suất 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng ông Lê Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền là 48.316.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng. 23 tháng đầu mỗi tháng số tiền 2.014.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.994.000 đồng. Thanh toán vào ngày 05 hàng tháng. Bắt đầu từ ngày 05/9/2014. Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng được 12 lần với tổng số tiền đã trả là 25.646.000 đồng. Mặc dù, tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2017, Ngân hàng đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền: 22.670.000 đồng (trong đó nợ gốc 18.405.912 đồng, nợ lãi trong hạn đến ngày 31/8/2016 là 4.264.088 đồng) nhưng tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng xin thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền gốc 2.500.000 đồng và khoản tiền lãi 4.264.088 đồng. Xét thấy, việc thay đổi và rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, HĐXX căn cứ Điều 244 BLTTDS 2015 để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút. Ngoài khoản tiền gốc đã yêu cầu, đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính thêm khoản tiền lãi nào khác.

Về phía ông Lê Đ thừa nhận có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 31.500.000 đồng với lãi suất 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân, ông Đ đã trả được 25.646.000 đồng, số tiền còn lại ông chưa có khả năng trả cho Ngân

hàng được vì kinh tế gặp nhiều khó khăn. Nay Ngân hàng khởi kiện, ông xin được trả dần số tiền nợ còn lại mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 20140801-142003-0004 ngày 22/7/2014, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam T với ông Lê Đ trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Đ đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc đề yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng đến nay ông Đ vẫn không trả được nợ. HĐXX xét thấy ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam T yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Đ phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là phù hợp với Điều khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tính dụng năm 2010; Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần được chấp nhận. Còn phía ông Lê Đ xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận nên không thể thỏa mãn yêu cầu của ông Đ được.

(3). Về lãi suất: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị ngoài khoản tiền lãi đã yêu cầu, nay không yêu cầu tính thêm khoản tiền lãi nào khác, nên HĐXX không đề cập đến.

(4). Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Việt Nam T được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Đ phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền ông Lê Đ phải chịu là $(15.905.912 \text{ đồng} \times 5\%) = 795.295 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP Việt Nam T đối với ông Lê Đ.

Xử:

1. Buộc ông Lê Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 15.905.912 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí DS- ST: 795.295 đồng ông Lê Đ phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 566.750 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 1703 ngày 25/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Đông Thanh

